

Số: 16 /QĐ-SKHĐT

Tây Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 27/09/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/04/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 30/TB-STC ngày 11/01/2021 của Sở Tài chính về kết quả kiểm tra phân bổ dự toán ngân sách năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-SKHĐT ngày 13/01/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính TN;
- KBNN TN;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, VPS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đặng Đình Toàn

PHỤ LỤC
CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2021
 Đơn vị: **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**
 (Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-SKHĐT ngày 20/01/2021)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	TỔNG SỐ
I. DỰ TOÁN THU, CHI VỀ PHÍ, LỆ PHÍ	550.000.000
1. Số thu phí, lệ phí	550.000.000
- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	150.000.000
- Phí công bố, cung cấp thông tin doanh nghiệp	400.000.000
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	280.000.000
- Phí công bố, cung cấp thông tin doanh nghiệp (Nộp về Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh theo quy định)	280.000.000
3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	270.000.000
- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	150.000.000
- Phí công bố, cung cấp thông tin doanh nghiệp	120.000.000
II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	8.763.000.000
1. Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341)	5.973.000.000
a) Kinh phí thực hiện tự chủ. Bao gồm:	5.195.000.000
- Chi quỹ lương (39 biên chế)	3.823.000.000
+ Quỹ lương theo mức lương cơ sở 1.210.000	3.105.000.000
+ Quỹ lương đảm bảo mức lương cơ sở từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng (280.000 đồng - Nguồn CCTL)	718.000.000
- Chi hoạt động thường xuyên	1.112.000.000
- Kinh phí hỗ trợ hợp đồng lao động theo ND 68/2000/ND-CP	260.000.000
b) Kinh phí không thực hiện tự chủ. Bao gồm:	778.000.000
+ KP mua sắm sửa chữa	70.000.000
+ KP tổ điều phối phát triển vùng kinh tế trọng điểm	27.000.000
+ KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	32.000.000
+ KP cho CBCC làm đầu mối KS thủ tục hành chính (5 người)	25.000.000
+ KP tiếp công dân xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	8.000.000
+ KP chi hoạt động cho công tác xử phạt VPHC	117.000.000
+ KP đối nội - đối ngoại	62.000.000
+ KP BCĐ phát triển bền vững	22.500.000
+ KP BCĐ tái cơ cấu kinh tế tỉnh giai đoạn 2014-2020	22.500.000
+ Hội nghị tổng kết kinh tế tập thể	45.000.000
+ KP công tác chuẩn hóa dữ liệu, số hóa hồ sơ dữ liệu đăng ký DN	50.000.000
+ Chi phí phục vụ cho công tác thu lệ phí	126.000.000
+ KP khảo sát nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực nhỏ và vừa	18.000.000
+ KP hoạt động của Nhóm công tác mang tính đột phá nguồn nhân lực	54.000.000
+ KP soạn thảo văn bản QPPL (04 văn bản)	36.000.000
+ KP trang phục thanh tra	26.000.000
+ KP duy trì hệ thống quản lý chất lượng (ISO)	10.000.000
+ KP BCĐ đổi mới phát triển KTTT, HTX tỉnh Tây Ninh	27.000.000
2. Chi sự nghiệp kinh tế (Loại 280, khoản 338)	2.600.000.000
- Kinh phí xúc tiến thương mại	2.600.000.000
3. Sự nghiệp đào tạo (Loại 070, khoản 085)	190.000.000
- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	190.000.000

